

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/03/2022

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HUNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị T.

2. Bà Lê Thị O.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị T- Kiểm sát viên.

Ngày 31/03/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2022/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 15/03/2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Phan Thị H- sinh năm 1995; (vắng mặt).

Quê quán, trú tại: thôn A D, xã T D, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

HKTT : thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu , tỉnh Hưng Yên;

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn P, sinh năm 1991; (vắng mặt).

HKTT, trú tại: thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

3. **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1.3 Cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014;

2.3 Cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017;

Người giám hộ cho cháu Ngọc A và cháu Minh A là anh Lê Văn P và chị Phan Thị H, là bố mẹ đẻ các cháu.

Đều có HKTT: thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. **4. Người làm chứng:**

1.4 Bà Vũ Thị Ph - sinh năm: 1957. (vắng mặt).

Trú tại: thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Văn P, sinh năm 1991, sinh trú quán tại thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh chị đã được UBND xã TC, huyện Khoái Châu đăng ký kết hôn ngày 07/10/2013.

Sau khi kết hôn, chị chuyển khẩu về chung sống cùng với anh P tại thôn MH, xã TC, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh P được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thỉnh thoảng cãi nhau, tình cảm lạnh nhạt, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, không tin tưởng, tôn trọng nhau. Đến khoảng tháng 11/2021, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng, vì ghen tuông vô cớ, anh P chửi bới xúc phạm chị, thậm chí đả đập và cho rằng chị có tình cảm với người đàn ông khác. Do không thể chịu đựng được nên chị đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn A D, xã Tân Dân sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, cả hai không quan tâm, không tìm gặp để hòa giải đoàn tụ. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị xin được ly hôn với anh P.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Lê Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H đã trình bày. Về nguyên nhân và diễn biến mâu thuẫn, theo anh P: Vợ chồng anh, chị hạnh P được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, chị H ra ngoài làm ăn, có tình cảm với người đàn ông khác nên ruồng rẫy chồng con. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm vào khoảng tháng 12/2021, chị H tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã T D sinh sống, anh không làm gì sai, không

phụ bạc gì chị H, vì vậy nên chị H bỏ đi, anh cũng không gọi về, anh, chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn, anh nhất trí không có ý kiến gì khác.

Về con chung: Cả hai khẳng định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 và cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh P.

Nếu ly hôn, chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và để anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A. Anh P có quan điểm xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, trường hợp chỉ được nuôi một cháu thì anh xin nuôi cháu Minh A. Việc đóng góp phí tổn nuôi con chung, cả hai không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Cả hai khẳng định không có gì liên quan nên không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/03/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cháu Lê Thị Ngọc A trình bày:

Cháu là con của bố Lê Văn P và mẹ Phan Thị H, cháu đang học lớp 2 của Trường tiểu học TC, học lực của cháu xếp loại khá, hiện cháu và em Lê Minh A đang ở cùng với bố. Do còn nhỏ nên cháu không biết nguyên nhân mâu thuẫn chỉ biết từ lâu bố mẹ cháu không ở cùng nhau. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, vì cháu là con gái nên cháu xin được ở với mẹ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/3/2022, người làm chứng là bà Vũ Thị Ph trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Lê Văn P. Năm 2013, gia đình bà tổ chức cho anh P kết hôn cùng chị Phan Thị H trên cơ sở anh, chị tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không hạnh P, đến khoảng cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn nên chị H bỏ đi, vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân là do anh P phát hiện chị H có nhắn tin trên điện thoại với người đàn ông khác, nhưng việc chị H có quan hệ với người đàn ông khác không, bà cũng không khẳng định và không cung cấp chứng cứ, gia đình động viên, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn với anh P, bà không mong muốn mà tùy anh, chị quyết định. Quá trình chung sống cùng gia đình bà, vợ chồng anh P không đóng góp gì.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 và cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017, hiện các cháu đang ở cùng anh P và gia đình bà.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp chung với hai bên gia đình, về đất nông nghiệp 03 của hai vợ chồng: Không có gì liên quan.

Qua xác minh tại UBND xã TC ngày 09/03/2022 xác định: Chị Phan Thị H kết hôn cùng anh Lê Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã TC ngày 07/10/2013. Sau khi kết hôn chị H chuyển khẩu và về chung sống cùng anh P tại thôn MH, xã TC. Hiện vợ chồng anh chị đã ly thân.

Về con chung: Vợ chồng anh P có hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 và cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017.

Về tài sản, công nợ, đất ruộng nông nghiệp của vợ chồng chị H, anh P: Chính quyền địa phương không nắm được.

Việc chị H xin ly hôn với anh P, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do công việc và tình hình dịch bệnh phức tạp nên chị H, anh P đều đề nghị và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung, giao cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017 cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết; sau khi ly hôn chị H, anh P được quyền thăm nom và quyền xin thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung; công nợ chung của vợ

chồng; đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh, chị đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 15/02/2022, chị Phan Thị H có đơn khởi kiện anh Lê Văn P, xin được ly hôn và giải quyết về con chung cũng như các vấn đề có liên quan. Anh Lê Văn P có hộ khẩu thường trú, trú tại thôn MH xã TC huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt do đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị H và anh Lê Văn P kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, anh, chị đã được UBND xã TC huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2013, do đó đã xác lập quan hệ vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh P, cả hai khẳng định phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân, sau khi ly thân, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết chị H cương quyết xin ly hôn, anh P nhất trí không có ý kiến gì khác. Xét cuộc sống, hạnh P gia đình anh, chị đang ở trong tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho chị H được ly hôn với anh P để cả hai sớm tạo lập cuộc sống mới.

3. *Về nuôi con chung:* Vợ chồng anh, chị có hai con chung là cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 và cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017, hiện cả hai cháu đang ở cùng anh P. Quá trình giải quyết, chị H xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc A còn để anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A, anh P có quan điểm được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu, nếu không được anh có nguyện vọng xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Minh A, cháu Ngọc A có nguyện vọng xin được ở với chị H. Nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung của chị H, anh P là hoàn toàn chính đáng, xét điều kiện cả hai anh chị đều có đủ điều kiện nuôi con, vì vậy, nên để cả anh và chị đều được trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ chăm sóc

nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo quyền lợi cũng như việc thực hiện chăm sóc các cháu nên giao cháu Lê Thị Ngọc A

cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Lê Minh A cho anh P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, như nguyện vọng của chị H, anh P, cháu Ngọc A và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Do cả hai anh, chị không yêu cầu việc đóng góp nuôi con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn chị H, anh P có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Cả hai khẳng định không có gì liên quan nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. *Về án phí:* Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức nộp án phí, lệ phí Tòa án.

6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Lê Văn P.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Lê Thị Ngọc A, sinh ngày 24/4/2014 cho chị Phan Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Giao cháu Lê Minh A, sinh ngày 15/7/2017 cho anh Lê Văn P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Chị Phan Thị H và anh Lê Văn P có quyền xin thay đổi nuôi con; quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai số 0007686 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu. Chị H đã thi hành xong phần án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã TC;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu: Hồ sơ, Vp.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Duy Tr